TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2025/HC-PT
Ngày 16-9-2025
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hành chinh thụ lý số: 446/2025/TLPT-HC ngày 10 tháng 6 năm 2025 về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 90/2024/HC-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 589/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số: 74/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2025; giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Lê Văn S, sinh năm 1966; có mặt;

Địa chỉ: Tổ I ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai (Nay là: Tổ 9 ấp A, xã P, tỉnh Đồng Nai).

- *Người bị kiện:* UBND huyện L, tỉnh Đồng Nai

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Viết T - Phó Chủ tịch; có đơn vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lang Hoài C - Phó Trưởng phòng kinh tế Ủy ban nhân dân xã L; có đơn vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị N, sinh năm 1967; vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ I ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai (Nay là: Tổ 9 ấp A, xã P, tỉnh Đồng Nai).

2. Anh Lê Trung H, sinh năm 1995; có đơn vắng mặt;

3. Anh Lê Trung K, sinh năm 2002; có mặt;

Cùng địa chỉ: Tổ I ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai (Nay là: Tổ 9 ấp A, xã P, tỉnh Đồng Nai).

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn S là người khởi kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người khởi kiện thống nhất trình bày:

Ngày 02/02/2023 ông S nhận được các Quyết định của UBND huyện L, tỉnh Đồng Nai gồm: Quyết định số 436/QĐ ngày 16/01/2023 về việc thu hồi diện tích đất 9.972,3 m^2 thửa CT 24 (CT 164) tờ bản đồ 76 (58 cũ) và Quyết định số 189/QĐ ngày 16/01/2023 về việc phê duyệt bồi thường diện tích trên; Quyết định số 450/QĐ ngày 16/01/2023 về việc thu hồi diện tích đất 5.229,3m^2 thửa CT 24 (173 cũ) tờ bản đồ 76 (58 cũ) và Quyết định số 203/QĐ ngày 16/01/2023 về việc phê duyệt bồi thường diện tích trên; Quyết định số 451/QĐ ngày 16/01/2023 về việc thu hồi diện tích đất 9,236,8 m^2 thửa 56, tờ bản đồ 76 và Quyết định 204/QĐ ngày 16/01/2023 về việc phê duyệt bồi thường diện tích trên thuộc dự án Cảng hàng không quốc tế L

Gia đình ông S sinh sống và ở trên đất này từ trước đến nay, về pháp luật thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân, không vi phạm về nhà ở (hàng năm đóng thuế đầy đủ). Tuy nhiên, khi thực hiện việc bồi thường lại không thực hiện đúng chính sách pháp luật về đất đai và Luật đất đai năm 2013. Ông S cho rằng diện tích thu hồi bị thiếu tổng diện tích bị thiếu là 1.156,6 m^2 cụ thể:

Thửa đất 56 (115 cũ) tờ bản đồ 76 (58 cũ) theo Giấy chứng nhận cấp cho ông S ngày 08/02/2006 diện tích 9,918 m^2. Khi thu hồi diện tích chỉ có 9,236,8m^2, giảm 681,2m^2.

Thửa đất 164 tờ bản đồ 76 (58) theo Bản án số 43/DSPT ngày 24/3/2010 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai tổng diện tích này 10.340 m^2. Khi thu hồi diện tích chỉ có 9,972,3 m^2, giảm 367,7 m^2.

Thửa đất 173 tờ bản đồ 76 (58) theo Bản án số 43/DSPT ngày 24/3/2010 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai có diện tích 5.337 m^2. Khi thu hồi diện tích chỉ có 5.229,3 m^2, giảm 107,7 m^2.

Theo tính toán thực tế giá trị cây ăn quả là 2.739.975.000 đồng chưa bao gồm cây lấy gỗ. Còn theo mẫu 15, 16, 17 lập ngày 17/11/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L là 834.029.250 đồng đã bao gồm cây ăn quả và cây lấy gỗ. Đề nghị hỗ trợ 5 loại tài sản phục vụ sản xuất bao gồm: 01 máy dầu D24 bơm cao áp tưới cây, 01 máy D8 kéo A – măng phát điện 4kW và đầu bơm áp lực Đài Loan, 01 máy bơm D8 bơm nước sinh hoạt, 01 máy bơm D15 phục vụ bơm nước tưới cây, 180 mét (3.5 cuộn) dây áp lực 8.5.400k/cm thành tiền là 41.225.000đ.

Nay ông S vẫn yêu cầu Tòa án cho đo đạc lại diện tích đất thực tế mà ông đang quản lý sử dụng và thẩm định giá tài sản trên đất. Vì lý do thiếu đất và áp giá không đúng thực tế.

Nếu không đo đạc và thẩm định giá tài sản thì yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 436, 450, 451 ngày 16/01/2023 về về việc thu hồi đất và huỷ các Quyết định số 189, 203, 204 ngày 16/01/2023 việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì nữa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Ngày 14/12/2018 Phòng T2 ban hành Kế hoạch số 38/KH về thu hồi đất, điều tra, khảo sát, kiểm đếm thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L tại huyện L và đã được UBND huyện L phê duyệt tại Văn bản số 11658/UBND-KT ngày 24/12/2018.

Ngày 28/12/2018, UBND huyện L ban hành Thông báo thu hồi đất số 6750/TB về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L (trong đó không có hộ ông Lê Văn S); Trung tâm phát triển quỹ đất huyện đã phối hợp với các ban ngành, đoàn thể có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Thông báo thu hồi đất đến từng hộ dân và thực hiện việc kiểm đếm hiện trạng sử dụng đất của hộ dân theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Trong quá trình triển khai công tác kiểm đếm hiện trạng sử dụng đất, ông Lê Văn S liên hệ tổ kiểm đếm đề nghị thực hiện kiểm đếm các thửa đất ông đang sử dụng gồm thửa đất số 115 tờ bản đồ số 57 (bản đồ địa chính) tương ứng thửa đất số 56, tờ bản đồ số 76 (bản đồ thu hồi), thửa đất số 173 và một phần thửa đất số 164, tờ bản đồ số 58 (BĐĐC) tương ứng thửa đất số 24, tờ bản đồ số 76 (BĐTH) thuộc dự án Cảng hàng không quốc tế L và cùng các giấy tờ liên quan gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy chứng nhận) số AD 598479 cấp ngày 08/02/2006 cho ông Lê Văn S và bà Lê Thị N cùng Bản án số 43/2010/DSPT ngày 24/3/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Cụ thể:

Đối với thửa đất số 115, diện tích 9.918 m^2, tờ bản đồ số 57 (BĐĐC) tương ứng thửa đất số 56, diện tích 9.236,8 m^2, tờ bản đồ số 76 (BĐTH) đã được UBND

huyện L cấp Giấy chứng nhận số AD 598479 ngày 08/02/2006 cho ông Lê Văn S.

Đối với thửa đất số 173, diện tích 5.337 m^2, tờ bản đồ số 58 (BĐĐC) tương ứng một phần thửa đất số 24, diện tích 5.229,3 m^2, tờ bản đồ số 76 (BĐTH) đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận số C 699012 cấp ngày 22/05/1995 cho ông Nguyễn Hồng C1.

Đối với thửa đất số 164, diện tích 27.277 m^2, tờ bản đồ số 58 (BĐĐC) có một phần diện tích đất tương ứng thửa đất số 56, diện tích 9.972,3 m^2, tờ bản đồ số 76 (BĐTH) đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận số O 140629 cấp ngày 07/09/1999 cho ông Nguyễn Văn K1.

Như vậy, tổng diện tích đất hiện trạng ông Lê Văn S đang sử dụng là 24.438,4 m^2, toàn bộ diện tích này nằm trong dự án Cảng hàng không quốc tế L.

Bồi thường cho ông Lê Văn S (đứng Giấy chứng nhận): Đối với thửa đất số 115, diện tích 9.918 m^2, tờ bản đồ số 57 (BĐĐC) tương ứng thửa đất số 56, diện tích 9.236,8 m^2, tờ bản đồ số 76 (BĐTH) đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận số AD 598479 cấp ngày 08/02/2006.

Ngày 19/9/2020, Trung tâm Phát triển quỹ đất có Thông báo số 7650/TB về việc điều tra, khảo sát đo đạc kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ ông (bà) Lê Văn S.

Ngày 22/9/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan cùng ông Lê Văn S tiến hành kiểm đếm thửa đất số 56, tờ bản đồ số 76 diện tích 9.236,8 m^2 (tương ứng thửa đất số 115, tờ bản đồ số 57 xã L cũ), theo sự chỉ dẫn của ông Lê Văn S tài sản trên đất gồm có: Công trình nhà, vật kiến trúc và cây trồng. Tại biên bản kiểm đếm ông S có ý kiến "Tài sản kiểm đếm đúng và đủ" và ký vào biên bản kiểm đếm.

Ngày 06/01/2021, UBND huyện L ban hành Thông báo thu hồi đất số 25/TB về việc thu hồi thửa đất số 115, tờ bản đồ số 57 xã L, diện tích dự kiến thu hồi 9.918,0 m^2, loại đất sử dụng CLN do ông (bà) Lê Văn S và Lê Thị N sử dụng để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L.

Trung tâm Phát triển quỹ đất hoàn chỉnh hồ sơ bồi thường và chuyển hồ sơ chuyển đến UBND xã B để thực hiện xác nhận nguồn gốc đất và các xác nhận khác theo quy định.

Đến ngày 20/09/2022, UBND xã B có Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 6068 (mẫu số 2) theo đó xác nhận: Đất của ông (bà) Lê Văn S và Lê Thị N được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận số AD 598479 cấp ngày 08/02/2006. Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 76 (bản đồ thu hồi), diện tích thu hồi 9.236,8 m^2 được đo từ thửa đất số 115, diện tích 9.918 m^2 tờ bản đồ số 57 (bản đồ cấp giấy). Diện tích chênh lệch giảm 681,2 m^2 so với bản đồ cấp giấy là do xác định ranh giới chưa chính xác khi đăng ký cấp giấy ban đầu, ranh giới sử dụng từ khi cấp giấy đến nay không thay đổi. Nội dung xác nhận của UBND xã đã được Phòng T2 thẩm tra.

Theo Giấy xác nhận việc sản xuất nông nghiệp (mẫu số 5) số 6068 ngày

20/09/2022 của UBND xã B xác nhận ông (bà) Lê Văn S, địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện N: Đất được sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp diện tích 9.236,8 m^2, thời điểm sử điểm sử dụng đất năm 2006.

Căn cứ các nội dung xác nhận của UBND xã B, đã được Phòng T2 thẩm tra theo quy định và các đơn giá được UBND tỉnh Đ quy định tại các Quyết định số 09/QĐ ngày 11/03/2019; Quyết định số 11//QĐ ngày 15/03/2019; Quyết định số 1213/QĐ và 1214/QĐ ngày 17/4/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện thực hiện việc áp giá, tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 17/11/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất có Giấy mời số 7390/GM gửi đến ông Lê Văn S về việc họp dân công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ dư án Cảng hàng không quốc tế L. Tại cuộc họp công khai ngày 19/11/2022, ông S ký nhận hồ sơ công khai và không có ý kiến gì.

Đến ngày 16/01/2023, UBND huyện ban hành Quyết định số 451/QĐ về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Lê Văn S và Lê Thị Ngọc thu H1 9.236,8 m² thuộc tờ bản đồ số 76 (57 cũ), thửa đất số 56 (115 cũ) và Quyết định số 204/QĐ về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Lê Văn S và Lê Thị N, theo đó tổng số tiền được phê duyệt là 2.029.987.050 đồng (trong đó bồi thường đất 1.671.860.800 đồng; nhà, vật kiến trúc 44.208.000 đồng; cây trồng 301.743.250 đồng; tài sản khác: 175.000 đồng; thưởng di dời 12.000.000 đồng).

Ngày 16/01/2023 và ngày 03/02/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất có Thông báo số 745, 870/TB về việc nhận tiền, bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L (lần 29). Ông S đã ký nhận thông báo, hồ sơ bồi thường, tuy nhiên không liên hệ nhận tiền.

Như vậy, tại thời điểm lập hồ sơ bồi thường, trình thẩm định, phê duyệt Trung tâm phát triển quỹ đất đã thực hiện đúng quy định.

Bồi thường theo Bản án số 43/2010/DSPT ngày 24/3/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai: Đối với thửa đất số 173, diện tích 5.337 m^2, tờ bản đồ số 58 (BĐĐC) tương ứng một phần thửa đất số 24, diện tích 5.229,3 m^2, tờ bản đồ số 76 (BĐTH) đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận số C699012 cấp ngày 22/05/1995 cho ông Nguyễn Hồng C1.

Ngày 28/12/2018, UBND huyện L ban hành Thông báo thu hồi đất số 6750/TB. Theo đó, thu hồi phần diện tích đất 5.337 m^2 thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 58 chưa xác định được chủ sử dụng đất để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L.

Theo Bản án số 43/2010/DSPT ngày 24/3/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Qua đó Tuyên xử: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Lê Văn S phần diện tích đất chuyển nhượng của anh D, chị C1 thửa đất số 173, tờ bản đồ số 58, diện tích 5.337 m² anh S được quyền sử dụng.

Căn cứ vào Thông báo thu hồi đất của UBND huyện L và Bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Trung tâm Phát triển quỹ đất có Thông báo số 7650/TB

về việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm về đất đai, thống kê về nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ ông Lê Văn S. Ngày 22/9/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan cùng ông Lê Văn S tiến hành kiểm đếm hiện trạng sử dụng của thử đất đất số 173, tờ bản đồ số 58 (BĐĐC) tương ứng một phần thửa đất số 24, diện tích 5.229,3 m², tờ bản đồ số 76 (BĐTH) theo sự chỉ dẫn của ông Lê Văn S, tài sản trên đất gồm có: Cây trồng trên đất. Tại biên bản kiểm đếm ông S có ý kiến "Tài sản kiểm đếm đúng và đủ" và ký vào biên bản kiểm đếm.

Ngày 23/12/2021, UBND huyện L ban hành Thông báo số 2725/TB về việc điều chỉnh Thông báo thu hồi đất số 6750/TB ngày 28/12/2021, theo đó điều chỉnh đối tượng thu hồi đất: Chưa xác định chủ sử dụng sang thu hồi đất của ông Lê Văn S.

Qua quá trình rà soát hồ sơ, Trung tâm phát triển quỹ đất ghi nhận về đối tượng thu hồi đất chưa phù hợp nên đã đề nghị phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND huyện điều chỉnh Thông báo thu hồi đất số 2725/TB ngày 23/12/2021.

Ngày 16/08/2022, UBND huyện L ban hành Thông báo thu hồi đất số 1670/TB về việc điều chỉnh Thông báo thu hồi đất số 2725/TB ngày 23/12/2021, theo đó điều chỉnh đối tượng thu hồi đất từ ông Lê Văn S sang thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Hồng C1 (người đứng giấy) – ông (bà) Lê Văn S (sử dụng).

Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ, Trung tâm phát triển quỹ đất đã chuyển hồ sơ đến UBND xã B để thực hiện xác nhận nguồn gốc đất và các xác nhận khác theo quy định.

Đến ngày 20/09/2022, UBND xã B có Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 7147 (mẫu số 2) theo đó xác nhận: Đất của ông Nguyễn Hồng C1 được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận số C 699012 ngày 22/05/1995 thửa 17, tờ 58 xã L cũ. Ngày 24/03/2010 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai có Bản án số 43/2010/DSPT ngày 24/03/2010 về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trong đó công nhận cho ông S sử dụng tổng diện tích đất 15.667 m² (trên giấy chứng nhận quyền sử dụng ghi tờ bản đồ số 56 là do sai sót trong quá trình viết giấy, tờ bản đồ số 58 là đúng). Thửa đất số CT 24, diện tích 5.229,3 m² tờ bản đồ số 76 (BĐTH), diện tích thu hồi 5.229,3 m² được đo từ thửa đất số 173, diện tích 5.337 m² tờ bản đồ số 58 (BĐĐC). Diện tích chênh lệch giảm 107,7m² so với bản đồ cấp giấy là do việc đo đạc xác định ranh giới cấp giấy ban đầu trước đây không chính xác. Nội dung xác nhận của UBND xã đã được Phòng T2 thẩm tra.

Theo Giấy xác nhận việc sản xuất nông nghiệp (mẫu số 5) số 7147 ngày 20/09/2022 của UBND xã B xác nhận ông (bà) Lê Văn S, địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện N: Đất được sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp diện tích 5.229,3 m^2, thời điểm sử điểm sử dụng đất năm 1995.

Căn cứ các nội dung xác nhận của UBND xã B, đã được thẩm tra theo quy định và các đơn giá được UBND tỉnh Đ quy định tại các Quyết định số 09/QĐ ngày 11/03/2019; Quyết định số 11/QĐ ngày 15/03/2019; Quyết định số 1213/QĐ

và số 1214/QĐ ngày 17/4/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện thực hiện việc áp giá, tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 17/11/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất có Giấy mời số 7388/GM gửi đến ông Lê Văn S về việc họp dân công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ dự án Cảng hàng không quốc tế L. Tại cuộc họp công khai ngày 19/11/2022, ông S ký nhận hồ sơ công khai và không có ý kiến gì.

Đến ngày 16/01/2023 UBND huyện ban hành Quyết định số 450/QĐ thu hồi phần diện tích 5.229,3 m² đất của hộ ông (bà) Nguyễn Hồng C1 (đứng giấy chứng nhận) - Lê Văn S (sử dụng), thuộc tờ bản đồ số 76 (58 cũ), thửa đất số CT 24 (173) và Quyết định số 203/QĐ về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Nguyễn Hồng C1 (đứng giấy chứng nhận) - Lê Văn S (sử dụng), theo đó tổng số tiền bồi thường được phê duyệt là 1.048.645.300 đồng (trong đó bồi thường đất 946.503.300 đồng; cây trồng 102.142.000 đồng).

Ngày 16/01/2023 và ngày 03/02/2023 Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện có Thông báo số 745, 870/TB về việc nhận tiền, bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L (lần 29), ông S có ký nhận thông báo, hồ sơ bồi thường, tuy nhiên không liên hệ nhận tiền.

Như vậy, tại thời điểm lập hồ sơ bồi thường, trình thẩm định, phê duyệt Trung tâm Phát triển quỹ đất đã thực hiện đúng quy định.

Bồi thường theo Bản án số 43/2010/DSPT ngày 24/3/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai: Đối với thửa đất số 164, diện tích 27.277 m^2, tờ bản đồ số 58 (BĐĐC) tương ứng một phần thửa đất số 24, diện tích 9.972,3 m^2, tờ bản đồ số 76 (bản đồ thu hồi) đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận số O 140629 cấp ngày 07/09/1999 cho ông Nguyễn Văn K1.

Ngày 28/12/2018, UBND huyện L ban hành Thông báo thu hồi đất số 6749/TB. Theo đó, thu hồi phần diện tích đất 16.422 m^2 thuộc thửa đất số 164A tờ bản đồ số 58 chưa xác định được chủ sử dụng đất để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L.

Theo Bản án số 43/2010/DSPT ngày 24/3/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Theo đó, tòa tuyên xử: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Lê Văn S phần diện tích đất chuyển nhượng của anh Nguyễn Văn K1 và chị Nguyễn Thị T1 cắt thửa 164, tờ bản đồ số 58, diện tích 10.340 m² anh S được quyền sử dụng.

Theo Thông báo thu hồi đất của UBND huyện L và Bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Trung tâm Phát triển quỹ đất có Thông báo số 7650/TB về việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm về đất đai, thống kê về nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ ông Lê Văn S.

Ngày 22/9/2020, Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan cùng ông Lê Văn S tiến hành kiểm đếm hiện trạng sử dụng của thửa đất số 164, tờ bản đồ số 58 (BĐĐC) tương ứng một phần thửa đất số 24, diện tích

9.972,3 m², tờ bản đồ số 76 (BĐTH) theo sự chỉ dẫn của ông Lê Văn S, tài sản trên đất gồm có: Công trình nhà, vật kiến trúc, cùng cây trồng trên đất. Tại biên bản kiểm ông S có ý kiến "Tài sản kiểm đếm đúng và đủ" và ký vào biên bản kiểm đếm.

Ngày 23/12/2021, UBND huyện L ban hành Thông báo thu hồi đất số 2725/TB về việc điều chỉnh Thông báo thu hồi đất số 6749/TB ngày 28/12/2021, theo đó điều chỉnh đối tượng thu hồi đất: Chưa xác định chủ sử dụng sang thu hồi đất của ông Lê Văn S.

Qua quá trình rà soát hồ sơ, Trung tâm Phát triển quỹ đất ghi nhận về đối tượng thu hồi đất chưa phù hợp nên đề nghị Phòng Tài nguyên Môi trường tham mưu UBND huyện điều chỉnh Thông báo thu hồi đất số 2725/TB ngày 23/12/2021.

Ngày 16/08/2022, UBND huyện L ban hành Thông báo thu hồi đất số 1671/TB về việc điều chỉnh Thông báo thu hồi đất số 2725/TB ngày 23/12/2021, theo đó điều chỉnh đối tượng thu hồi đất từ ông Lê Văn S sang thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Văn K1 (người đứng giấy) – ông (bà) Lê Văn S (sử dụng).

Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ, Trung tâm Phát triển quỹ đất đã chuyển hồ sơ đến UBND xã B để thực hiện xác nhận nguồn gốc đất và các xác nhận khác theo quy định.

Đến ngày 20/09/2022, UBND xã B có Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 7147 (mẫu số 2) theo đó xác nhận: Đất của ông Nguyễn Văn K1 được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận số O 140629 ngày 07/09/1999 thửa đất số 164, tờ bản đồ số 58 xã L cũ. Ngày 24/03/2010 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai có Bản án số 43/2010/DSPT ngày 24/03/2010 về việc Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng QSD đất, trong đó công nhận cho ông S sử dụng tổng diện tích đất 15.667 m². Thửa đất số CT 24, diện tích 9.972,3 m² tờ bản đồ thu hồi số 76, diện tích thu hồi 9.972,3 m² được đo từ một phần thửa đất số 164, tờ bản đồ số 58 (bản đồ cấp giấy). Nội dung xác nhận của UBND xã đã được Phòng T2 thẩm tra.

Theo Giấy xác nhận việc sản xuất nông nghiệp (mẫu số 5) số 7148 ngày 20/09/2022 của UBND xã B xác nhận ông (bà) Lê Văn S, địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện N: Đất được sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp diện tích 9.972,3 m^2, thời điểm sử dụng đất năm 1995.

Căn cứ các nội dung xác nhận của UBND xã B, đã được thẩm tra theo quy định và các đơn giá được UBND tỉnh Đ quy định tại các Quyết định số 09/QĐ ngày 11/03/2019; Quyết định số 11/QĐ ngày 15/03/2019; Quyết định số 1213/QĐ và số 1214/QĐ ngày 17/4/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện thực hiện việc áp giá, tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 17/11/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất có Giấy mời số 7389/GM gửi đến ông Lê Văn S về việc họp dân công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ dự án Cảng hàng không quốc tế L. Tại cuộc họp công khai ngày 19/11/2022, ông S ký nhận hồ sơ công khai và không có ý kiến gì.

Đến ngày 16/01/2023 UBND huyện ban hành Quyết định số 436/QĐ thu hồi phần diện tích 9.972,3 m² đất của hộ ông (bà) Nguyễn Văn K1 (đứng giấy chứng nhận) - Lê Văn S (sử dụng), thuộc tờ bản đồ số 76 (58), thửa đất số CT 24 (173) và Quyết định số 189/QĐ về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn K1 (đứng giấy chứng nhận) - Lê Văn S (sử dụng), theo đó tổng số tiền bồi thường được phê duyệt là 2.601.962.770 đồng (trong đó bồi thường đất 2.601.962.770 đồng; nhà, vật kiến trúc 443.571.870 đồng; cây trồng 333.686.500 đồng; tài sản khác 19.718.100 đồng).

Ngày 16/01/2023 và ngày 03/02/2023 Trung tâm phát triển quỹ đất có Thông báo số 741, 867/TB về việc nhận tiền, bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L (lần 29), ông S có ký nhận thông báo, hồ sơ bồi thường, tuy nhiên không liên hệ nhận tiền.

Căn cứ Khoản 4, Điều 9 ban hành kèm theo Quyết định số 41/QĐ ngày 16/10/20219 của UBND tỉnh Đ. Ngày 26/09/2022, Hội đồng bồi thường dự án có Văn bản số 6812/CV gửi đến UBND xã L về việc hỗ trợ xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ nông nghiệp và xác nhận nhân khẩu với ông (bà) Lê Văn S (kèm mẫu số 5 nêu trên).

Đến ngày 26/10/2022, Hội đồng bồi thường nhận được Văn bản số 127.A ngày 26/9/2022 của UBND xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Theo đó thể hiện nội dung: UBND xã L có nhận được Văn bản số 6812/CV ngày 06/10/2022 của Hội đồng bồi thường dự án Cảng hàng không quốc tế L về việc hỗ trợ xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp. Do giữa thông tin ngày tháng văn bản Hội đồng bồi thường dự án đề nghị (ngày 26/09/2022) và ngày tháng trên văn bản thể hiện trên văn bản của UBND xã L trên văn bản số (127.A ngày 26/9/2022) là không trùng khớp với nhau.

Đến ngày 02/11/2022, Hội đồng bồi thường dự án tiếp tục có Văn bản số 7164/CV gửi đến UBND xã L về việc rà soát nội dung việc xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ nông nghiệp của hộ ông (bà) Lê Văn S có đất thu hồi thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L. Tuy nhiên, đến nay Hội đồng bồi thường chưa nhận được Văn bản phúc đáp của UBND xã L nên chưa có cơ sở để áp dụng chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ dân theo quy định.

Như vậy, tại thời điểm lập hồ sơ bồi thường, trình thẩm định, phê duyệt Trung tâm phát triển quỹ đất đã thực hiện đúng quy định.

Đối với nội dung kiến nghị diện tích đất thu hồi còn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp và theo Bản án của Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ thực hiện ngày 25/11/2020 thể hiện thửa đất số 24, diện tích 15.201,6 m^2 tờ bản đồ số 76 (BĐTH) tương ứng một phần thửa 164 và thửa 173, tờ bản đồ 57 (BĐĐC).

Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ thực hiện ngày 17/05/2021 thể hiện thửa đất số 56, diện tích 9.236,8 m^2 tờ bản đồ số

76 (BĐTH) tương ứng một phần thửa 115, tờ bản đồ 57 (BĐĐC).

Không đồng ý đối với diện tích đất thu hồi theo hồ sơ kỹ thuật được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ thực hiện, ông S có ý kiến đến UBND xã B. Ngày 07/01/2022, UBND xã B có biên bản làm việc với ông Lê Văn S về diện tích thu hồi của các thửa đất số 56, 24 tờ bản đồ số 76 diện tích 24.438,4 m². Qua đó thể hiện: Phần đất thuộc thửa 56, diện tích 9.236,8 m^2 và thửa đất số 24, diện tích 15.201,6 m^2 tờ bản đồ thu hồi đất số 76 xã B là đúng thực tế, ranh giới thửa đất ông S đang sử dụng, nay ông S thống nhất diện tích đất thu hồi theo hồ sơ kỹ thuật do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ thực hiện và cam kết không thắc mắc khiếu nại gì về sau.

Đến ngày 03/03/2022, ông S có đơn kiến nghị về việc thiếu diện tích đất đền bù so với Giấy chứng nhận được cấp và Bản án số 43/2010/DSPT ngày 24/3/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Ngày 04/04/2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất có giấy mời số 2457/GM về việc phối hợp xử lý đơn của ông Lê Văn S. Ngày 12/04/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ tiến hành đo đạc hiện trạng thực địa các thửa đất theo đơn kiến nghị của ông Lê Văn S. Tại biên bản làm việc ông S có ý kiến: Thống nhất theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 56, 24 tờ bản đồ số 76 xã B (xã L cũ), thống nhất ranh giới sử dụng ổn định, không tranh chấp, khiếu nại gì về sau, đồng ý rút đơn kiến nghị ngày 03/03/2022, cam kết không thắc mắc khiếu nại gì về sau.

Như vậy, việc ông Lê Văn S yêu cầu hủy các Quyết định số 204/QĐ, Quyết định số 451/QĐ; Quyết định số 203/QĐ; Quyết định số 450/QĐ; Quyết định số 189/QĐ; Quyết định số 436/QĐ ngày 16/01/2023 của UBND huyện L là không phù hợp do trong quá trình đo đạc, kiểm đếm hiện trạng sử dụng đất, ông Lê Văn S đều thống nhất với số liệu diện tích đất thu hồi.

UBND huyện L không chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của ông Lê Văn S. Ngoài ra không ý kiến gì thêm và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà N, anh H và anh K: Thống nhất với ý kiến của ông S nên không có ý kiến gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 90/2024/HC-ST ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Lê Văn S về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai" đối với các Quyết định số 436/QĐ ngày 16/01/2023 về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Văn K1 (đứng Giấy chứng nhận) – Lê Văn S (sử dụng) để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L (lần 29); Quyết định số 189/QĐ ngày 16/01/2023 về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn K1 (đứng Giấy chứng nhận) – Lê Văn S (sử dụng) để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L (lần 29); Quyết định số 450/QĐ ngày 16/01/2023 về việc thu hồi đất của hộ ông (bà)

Nguyễn Hồng C1 (đứng Giấy chứng nhận) – Lê Văn S (sử dụng) để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L (lần 29); Quyết định số 203/QĐ ngày 16/01/2023 về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Nguyễn Hồng C1 (đứng Giấy chứng nhận) – Lê Văn S (sử dụng) để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L (lần 29); Quyết định số 451/QĐ ngày 16/01/2023 về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Lê Văn S và Lê Thị Ngọc Đ thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L (lần 29) và Quyết định 204/QĐ ngày 16/01/2023 về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Lê Văn S và Lê Thị Ngọc Đ thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L (lần 29).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 20/12/2024 ông Lê Văn S kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm theo hướng sửa án sơ thẩm, thẩm định giá trị cây trồng theo giá trị thực tế, thông báo cho ông biết kết quả số liệu của diện tích đo đạc vào ngày 22/3/2024, huỷ các quyết định và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ban đền bù áp giá thiếu đất thửa 115 là 9.918 m^2; thửa 164 là 10.340 m^2; thửa 173 là 5.337 m^2. Tổng cộng 3 thửa là 25.900 m^2. Ban đền bù thiếu diện tích 1.157 m^2. Ông là người trực tiếp sản xuất nông nhiệp từ năm 1995 đến nay, phải di chuyển chỗ ở xét 02 lô tái định cư. Cây trồng trên đất không sát thực tế. Cây sầu riêng giá trị thực tế 16 triệu đồng. Nhà nước đền bù chỉ có 2.100.000-2.200.000 đồng. các cây khác đền bù giá thấp như chôm chôm, măng cụt. Cây sao, cây tràm cũng phải tính cho thoả đáng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm VKSNDTC tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn S1.

Cấp sơ thẩm giải quyết phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:

Ngày 10/02/2023, Người khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định của UBND huyện L (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Nai) gồm: Quyết định số 436, 450, 451/QĐ ngày 16/01/2023 về việc thu hồi đất và Quyết định số 189, 203, 204/QĐ ngày 16/01/2023 về việc phê duyệt bồi thường của UBND huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Nai).

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của của ông Lê Văn S, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục: được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

Ngày 14/12/2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T2 ban hành Kế hoạch số 38/KH về thu hồi đất, điều tra, khảo sát, kiểm đếm thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L đã được UBND huyện L phê duyệt tại Văn bản số 11658/UBND ngày 24/12/2018.

Ngày 28/12/2018, UBND huyện L ban hành Thông báo thu hồi đất số 6750/TB về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L (trong đó không có hộ ông Lê Văn S); Trung tâm phát triển quỹ huyện đã phối hợp với các ban ngành, đoàn thể có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Thông báo thu hồi đất đến từng hộ dân và thực hiện việc kiểm đếm hiện trạng sử dụng đất của hộ dân theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Trong quá trình triển khai công tác kiểm đếm hiện trạng sử dụng đất, ông Lê Văn S đã liên hệ tổ kiểm đếm đề nghị thực hiện kiểm đếm các thửa đất ông đang sử dụng gồm thửa đất số 115, tờ bản đồ số 57 (bản đồ địa chính) tương ứng thửa đất số 56, tờ bản đồ số 76 (bản đồ thu hồi), thửa đất số 173 và một phần thửa đất số 164, tờ bản đồ số 58 (bản đồ địa chính) tương ứng thửa đất số 24, tờ bản đồ số 76 (bản đồ thu hồi) thuộc dự án Cảng hàng không quốc tế L và cung cấp các giấy tờ liên quan như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy chứng nhận) số AD 598479 cấp ngày 08/02/2006 cho ông Lê Văn S và bà Lê Thị N và Bản án số 43/2010/DSPT ngày 24/3/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Cụ thể như sau:

Đối với thửa đất số 115, diện tích 9.918 m², tờ bản đồ số 57 (BĐĐC) tương ứng thửa đất số 56, diện tích 9.236,8 m², tờ bản đồ số 76 (BĐTH) đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận số AD 598479 ngày 08/02/2006 cho ông Lê Văn S.

Đối với thửa đất số 173, diện tích 5.337 m², tờ bản đồ số 58 (BĐĐC) tương ứng một phần thửa đất số 24, diện tích 5.229,3 m², tờ bản đồ số 76 (BĐTH) đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận số C 699012 ngày 22/05/1995 cho ông Nguyễn Hồng C1.

Đối với thửa đất số 164, diện tích 27.277 m², tờ bản đồ số 58 (BĐĐC) có một phần diện tích đất tương ứng thửa đất số 56, diện tích 9.972,3 m², tờ bản đồ

số 76 (BĐTH) đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận số O 140629 ngày 07/09/1999 cho ông Nguyễn Văn K1.

UBND huyện L ban hành các Quyết định số 436, 450, 451/2023/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 về việc thu hồi đất tổng diện tích đất hiện trạng ông Lê Văn S đang sử dụng là 24.438,4 m^2, toàn bộ diện tích này nằm trong dự án Cảng hàng không quốc tế L là đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] *Đối với thửa đất số 115, diện tích 9.918 m², tờ bản đồ số 57 (BĐĐC) tương ứng thửa số 56, diện tích 9.236,8 m², tờ bản đồ số 76 (BĐTH) đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận số AD 598479 ngày 08/02/2006.*

Ngày 22/9/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan cùng ông Lê Văn S tiến hành kiểm đếm thửa đất số 56, tờ bản đồ số 76, diện tích 9.236,8 m² (tương ứng thửa đất số 115, tờ bản đồ số 57 xã L cũ), theo sự chỉ dẫn của ông S tài sản trên đất gồm có: Công trình nhà, vật kiến trúc và cây trồng. Tại biên bản kiểm đếm ngày 20/9/2020 ông S có ý kiến "Tài sản kiểm đếm đúng và đủ" và ký vào biên bản (BL 170). Trung tâm phát triển quỹ đất hoàn chỉnh hồ sơ bồi thường và chuyển hồ sơ chuyển đến UBND xã B để thực hiện xác nhận nguồn gốc đất và các xác nhận khác theo quy định.

Đến ngày 20/09/2022, UBND xã B có giấy xác nhận nguồn gốc đất số 6068 (mẫu số 2) xác nhận: Đất của ông (bà) Lê Văn S và Lê Thị N được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận số AD 598479 ngày 08/02/2006. Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 76 (BĐTH), diện tích thu hồi 9.236,8 m² được đo từ thửa đất số 115, diện tích 9.918 m^2, bản đồ số 57 (BĐĐC). Diện tích chênh lệch giảm 681,2 m² so với bản đồ cấp giấy là do xác định ranh giới chưa chính xác khi đăng ký cấp giấy ban đầu, ranh giới sử dụng từ khi cấp giấy đến nay không thay đổi. Nội dung xác nhận của UBND xã đã được Phòng T2.

Theo giấy xác nhận việc sản xuất nông nghiệp số 6068 ngày 20/09/2022 của UBND xã B xác nhận ông (bà) Lê Văn S, địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện N: Đất được sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp diện tích 9.236,8 m², thời điểm sử dụng đất năm 2006. Căn cứ các nội dung xác nhận của UBND xã B, đã được Phòng T2 thẩm tra theo quy định và các đơn giá được UBND tỉnh Đ quy định tại các Quyết định số 09/QĐ ngày 11/03/2019; Quyết định số 11/QĐ ngày 15/03/2019; Quyết định số 1213/QĐ và số 1214/QĐ ngày 17/4/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện thực hiện việc áp giá tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 17/11/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất có Giấy mời số 7390/GM gửi đến ông Lê Văn S về việc họp dân công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ dự án Cảng hàng không quốc tế L. Tại cuộc họp công khai ngày 19/11/2022, ông S ký nhận hồ sơ công khai và không có ý kiến gì.

Đến ngày 16/01/2023, UBND huyện L ban hành Quyết định số 451/QĐ về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Lê Văn S và Lê Thị N diện tích 9.236,8 m² thuộc tờ bản đồ số 76 (57), thửa đất số 56 (115) và Quyết định số 204/QĐ về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Lê Văn S và Lê Thị N, theo đó tổng số

tiền được phê duyệt là 2.029.987.050 đồng (trong đó bồi thường đất là 1.671.860.800 đồng; nhà, vật kiến trúc là 44.208.000 đồng; cây trồng là 301.743.250 đồng; tài sản khác là 175.000 đồng và thưởng di dời 12.000.000 đồng).

Ngày 16/01/2023 và ngày 03/02/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất có Thông báo số 745, 870/TB về việc nhận tiền, bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L (lần 29). Ông S đã ký nhận thông báo, hồ sơ bồi thường, tuy nhiên không liên hệ nhận tiền. Như vậy, tại thời điểm lập hồ sơ bồi thường, trình thẩm định, phê duyệt Trung tâm phát triển quỹ đất đã thực hiện đúng quy định.

[2.2.2] *Đối với thửa đất số 173, diện tích 5.337 m^2, tờ bản đồ số 58 (BĐĐC) tương ứng một phần thửa đất số 24, diện tích 5.229,3 m^2, tờ bản đồ số 76 (BĐTH) đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận số C 699012 cấp ngày 22/05/1995 cho ông Nguyễn Hồng C1*.

Căn cứ vào Thông báo thu hồi đất của UBND huyện L 6750/TB ngày 28/12/2018, thu hồi phần diện tích đất 5.337 m² thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 58 chưa xác định được chủ sử dụng đất để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L và Bản án số 43/2010/DSPT ngày 24/3/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn S phần diện tích đất chuyển nhượng của anh D, chị C1 thửa đất số 173 tờ bản đồ số 58, diện tích 5.337 m² anh S được quyền sử dụng. Trung tâm phát triển quỹ đất có Thông báo số 7650/TB về việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm về đất đai, thống kê về nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ ông Lê Văn S. Ngày 22/9/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan cùng ông Lê Văn S tiến hành kiểm đếm hiện trạng sử dụng của thửa đất số 173, tờ bản đồ số 58 (BĐĐC) tương ứng một phần thửa đất số 24, diện tích 5.229,3 m², tờ bản đồ số 76 (BĐTH) theo sự chỉ dẫn của ông Lê Văn S, tài sản trên đất gồm có cây trồng trên đất. Tại biên bản kiểm ông S có ý kiến "Tài sản kiểm đếm đúng và đủ" và ký vào biên bản (BL 194, 195).

Ngày 23/12/2021, UBND huyện L điều chỉnh Thông báo số 2725/TB về việc điều chỉnh Thông báo thu hồi đất số 6750/TB ngày 28/12/2018, theo đó điều chỉnh đối tượng thu hồi đất: Chưa xác định chủ sử dụng sang thu hồi đất của ông Lê Văn S. Qua quá trình rà soát hồ sơ, Trung tâm phát triển quỹ đất ghi nhận về đối tượng thu hồi đất chưa phù hợp nên đã đề nghị phòng Tài nguyên Môi trường tham mưu UBND huyện điều chỉnh Thông báo thu hồi đất số 2725/TB-UBND ngày 23/12/2021.

Ngày 16/08/2022, UBND huyện L ban hành Thông báo thu hồi đất số 1670/TB về việc điều chỉnh Thông báo thu hồi đất số 2725/TB ngày 23/12/2021, theo đó điều chỉnh đối tượng thu hồi đất từ ông Lê Văn S sang thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Hồng C1 (người đứng giấy) – ông (bà) Lê Văn S (người sử dụng).

Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ, Trung tâm Phát triển quỹ đất đã chuyển hồ sơ đến UBND xã B để thực hiện xác nhận nguồn gốc đất và các xác nhận khác theo quy

định. Đến ngày 20/09/2022, UBND xã B có giấy xác nhận nguồn gốc đất số 7147 xác nhận: Đất của ông Nguyễn Hồng C1 được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận số C699012 ngày 22/05/1995 thửa 173, tờ bản đồ số 58 xã L cũ.

Ngày 24/03/2010 Tòa án tỉnh Đồng Nai có Bản án số 43/2010/DSPT ngày 24/03/2010 công nhận cho ông S sử dụng tổng diện tích đất 15.667 m² (trên giấy chứng nhận ghi tờ bản đồ số 56 là do sai sót trong quá trình viết giấy, tờ bản đồ số 58 là đúng). Thửa đất số 24 (cắt thửa), diện tích 5.229,3 m² tờ bản đồ số 76 (BĐTH), diện tích thu hồi 5.229,3 m² được đo từ thửa đất số 173, diện tích 5.337 m² tờ bản đồ số 58 (BĐĐC). Diện tích chênh lệch giảm 107,7 m² so với bản đồ cấp giấy là do việc đo đạc xác định ranh giới cấp giấy ban đầu trước đây không chính xác. Nội dung xác nhận của UBND xã đã được Phòng T2 thẩm tra.

Theo giấy xác nhận việc sản xuất nông nghiệp số 7147 ngày 20/09/2022 của UBND xã B xác nhận ông (bà) Lê Văn S, địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện N: Đất được sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp diện tích 5.229,3 m², thời điểm sử điểm sử dụng đất năm 1995. Căn cứ các nội dung xác nhận của UBND xã B, đã được thẩm tra theo quy định và các đơn giá được UBND tỉnh Đ quy định tại các Quyết định số 09/QĐ ngày 11/03/2019; Quyết định số 11/QĐ ngày 15/03/2019; Quyết định số 1213/QĐ, số 1214/QĐ ngày 17/4/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện thực hiện việc áp giá, tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 17/11/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất có giấy mời số 7388/GM gửi đến ông Lê Văn S về việc họp dân công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ dư án Cảng hàng không quốc tế L. Tại cuộc họp công khai ngày 19/11/2022, ông S ký nhận hồ sơ công khai và không có ý kiến gì.

Đến ngày 16/01/2023 UBND huyện ban hành Quyết định số 450/QĐ thu hồi phần diện tích 5.229,3 m² đất của hộ ông (bà) Nguyễn Hồng C1 (đứng giấy) - Lê Văn S (sử dụng), thuộc tờ bản đồ số 76 (58), thửa đất số CT 24 (173) và Quyết định số 203/QĐ về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Nguyễn Hồng C1 (đứng giấy) - Lê Văn S (sử dụng), theo đó tổng số tiền bồi thường được phê duyệt là 1.048.645.300 đồng (trong đó bồi thường đất 946.503.300 đồng; cây trồng 102.142.000 đồng).

Ngày 16/01/2023 và ngày 03/02/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện có Thông báo số 745, 870/TB về việc nhận tiền, bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L (lần 29), ông S có ký nhận thông báo, hồ sơ bồi thường, tuy nhiên không liên hệ nhận tiền.

[2.2.3] *Đối với thửa đất số 164, diện tích 27.277 m², tờ bản đồ số 58 (bản đồ địa chính) tương ứng một phần thửa đất số 24, diện tích 9.972,3 m², tờ bản đồ số 76 (bản đồ thu hồi) đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận số O 140629 ngày 07/09/1999 cho ông Nguyễn Văn K1.*

Ngày 28/12/2018, UBND huyện L ban hành Thông báo thu hồi đất số 6749/TB. Theo đó, thu hồi phần diện tích đất 16.422 m² thuộc thửa đất số 164A tờ bản đồ số 58 chưa xác định được chủ sử dụng đất để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L.

Theo Bản án số 43/2010/DSPT ngày 24/3/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Lê Văn S phần diện tích đất chuyển nhượng của anh Nguyễn Văn K1 và chị Nguyễn Thị T1 cắt thửa 164, tờ bản đồ số 58, diện tích 10.340 m² anh S được quyền sử dụng.

Theo Thông báo thu hồi đất của UBND huyện L và Bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Trung tâm phát triển quỹ đất có Thông báo số 7650/TB về việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm về đất đai, thống kê về nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ ông Lê Văn S.

Ngày 22/9/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan cùng ông Lê Văn S tiến hành kiểm đếm hiện trạng sử dụng của thửa đất số 164, tờ bản đồ số 58 (BĐĐC) tương ứng một phần thửa đất số 24, diện tích 9.972,3 m², tờ bản đồ số 76 (BĐTH) theo sự chỉ dẫn của ông Lê Văn S, tài sản trên đất gồm có: Công trình nhà, vật kiến trúc, cùng cây trồng trên đất. Tại biên bản kiểm ông S có ý kiến "tài sản kiểm đếm đúng và đủ" và ký vào biên bản (BL 194, 195).

Ngày 23/12/2021, UBND huyện L ban hành Thông báo thu hồi đất số 2725/TB về việc điều chỉnh Thông báo thu hồi đất số 6749/TB ngày 28/12/2018, theo đó điều chỉnh đối tượng thu hồi đất: Chưa xác định chủ sử dụng sang thu hồi đất của ông Lê Văn S.

Ngày 16/08/2022, UBND huyện L ban hành Thông báo thu hồi đất số 1671/TB về việc điều chỉnh Thông báo thu hồi đất số 2725/TB ngày 23/12/2021, theo đó điều chỉnh đối tượng thu hồi đất từ ông Lê Văn S sang thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Văn K1 (đứng giấy) – ông (bà) Lê Văn S (sử dụng).

Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ, Trung tâm phát triển quỹ đất đã chuyển hồ sơ đến UBND xã B để thực hiện xác nhận nguồn gốc đất và các xác nhận khác theo quy định.

Đến ngày 20/09/2022, UBND xã B có giấy xác nhận nguồn gốc đất số 7147 (mẫu số 2) theo đó xác nhận: Đất của ông Nguyễn Văn K1 được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận số O 140629 ngày 07/09/1999, thửa đất số 164, tờ bản đồ số 58 xã L cũ. Ngày 24/03/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai có bản án số 43/2010/DSPT công nhận cho ông S sử dụng tổng diện tích đất 15.667 m². Thửa đất số 24 (cắt thửa), diện tích 9.972,3 m² tờ bản đồ số 76 (BĐTH), diện tích thu hồi 9.972,3 m² được đo từ một phần thửa đất số 164, tờ bản đồ số 58 (BĐĐC). Nội dung xác nhận của UBND xã đã được Phòng T2 thẩm tra.

Theo Giấy xác nhận việc sản xuất nông nghiệp số 7148 ngày 20/09/2022 của UBND xã B xác nhận ông (bà) Lê Văn S, địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện N: Đất được sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp diện tích 9.972,3 m², thời điểm sử dụng đất năm 1995.

Căn cứ các nội dung xác nhận của UBND xã B, đã được thẩm tra theo quy định và các đơn giá được UBND tỉnh Đ quy định tại các Quyết định số 09/QĐ ngày 11/03/2019; Quyết định số 11/QĐ ngày 15/03/2019; Quyết định số 1213/QĐ

và số 1214/QĐ ngày 17/4/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện thực hiện việc áp giá, tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 17/11/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất có giấy mời số 7389/GM gửi đến ông Lê Văn S về việc họp dân công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ dư án Cảng hàng không quốc tế L. Tại cuộc họp công khai ngày 19/11/2022, ông S ký nhận hồ sơ công khai và không có ý kiến gì.

Đến ngày 16/01/2023 UBND huyện ban hành Quyết định số 436/QĐ thu hồi phần diện tích 9.972,3 m² đất của hộ ông (bà) Nguyễn Văn K1 (đứng giấy) – ông (bà) Lê Văn S (sử dụng), thuộc tờ bản đồ số 76 (58), thửa đất số 24 (173) và Quyết định số 189/QĐ về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn K1 (đứng giấy) – ông (bà) Lê Văn S (sử dụng), theo đó tổng số tiền bồi thường được phê duyệt là 2.601.962.770 đồng (trong đó bồi thường đất là 2.601.962.770 đồng; nhà, vật kiến trúc là 443.571.870 đồng; cây trồng là 333.686.500 đồng; tài sản khác là 19.718.100 đồng).

Ngày 16/01/2023 và ngày 03/02/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất có Thông báo số 741, 867/TB về việc nhận tiền, bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L (lần 29), ông S có ký nhận thông báo, hồ sơ bồi thường, tuy nhiên không liên hệ nhận tiền.

Căn cứ khoản 4, Điều 9 ban hành kèm theo Quyết định số 41/2019/QĐ ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Đ. Ngày 26/09/2022, Hội đồng bồi thường dự án có Văn bản số 6812/CV gửi đến UBND xã L về việc hỗ trợ xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ nông nghiệp và xác nhận nhân khẩu với ông (bà) Lê Văn S.

Đến ngày 26/10/2022, Hội đồng bồi thường nhận được Văn bản số 127.A ngày 26/9/2022 của UBND xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Theo đó thể hiện nội dung: UBND xã L có nhận được Văn bản số 6812/CV ngày 06/10/2022 của Hội đồng bồi thường dự án Cảng hàng không quốc tế L về việc hỗ trợ xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp. Do giữa thông tin ngày tháng Văn bản Hội đồng bồi thường dự án đề nghị (ngày 26/09/2022) và ngày tháng trên văn bản thể hiện trên văn bản của UBND xã L trên văn bản số (127.A ngày 26/9/2022) là không trùng khớp với nhau.

Đến ngày 02/11/2022, Hội đồng bồi thường dự án tiếp tục có Văn bản số 7164/CV gửi đến UBND xã L về việc rà soát nội dung việc xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ nông nghiệp của hộ ông (bà) Lê Văn S có đất thu hồi thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L.

Căn cứ các nội dung xác nhận của UBND xã B, đã được thẩm tra theo quy định và các đơn giá được UBND tỉnh Đ quy định tại các Quyết định số 09/QĐ ngày 11/03/2019; Quyết định số 11/QĐ ngày 15/03/2019; Quyết định số 1213/QĐ, 1214/QĐ ngày 17/4/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện thực hiện việc áp giá, tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ.

Như vậy, tại thời điểm lập hồ sơ bồi thường, trình thẩm định, phê duyệt Trung tâm phát triển quỹ đất đã thực hiện đúng quy định.

[2.2.4] *Đối với nội dung kiến nghị diện tích đất thu hồi còn thiếu so với giấy chứng nhận đã cấp và theo Bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai:* Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ thực hiện ngày 25/11/2020 thể hiện thửa đất số 24, diện tích 15.201,6 m² tờ bản đồ số 76 (BĐTH) tương ứng một phần thửa 164 và thửa 173 tờ bản đồ 57 (BĐĐC); hồ sơ kỹ thuật thửa đất được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ thực hiện ngày 17/05/2021 thể hiện thửa đất số 56, diện tích 9.236,8 m² tờ bản đồ số 76 (BĐTH) tương ứng một phần thửa 115, tờ bản đồ số 57 (BĐĐC). Không đồng ý đối với diện tích đất thu hồi theo hồ sơ kỹ thuật được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ thực hiện, ông S có ý kiến đến UBND xã B.

Ngày 07/01/2022, UBND xã B có biên bản làm việc với ông Lê Văn S về diện tích thu hồi của các thửa đất số 56, 24 tờ bản đồ số 76 diện tích 24.438,4 m². Qua đó thể hiện phần đất thuộc thửa 56, diện tích 9.236,8 m² và thửa đất số 24, diện tích 15.201,6 m² tờ bản đồ số 76 (BĐTH) xã B là đúng thực tế, ranh giới thửa đất ông S đang sử dụng, nay ông S thống nhất diện tích đất thu hồi theo hồ sơ kỹ thuật do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ thực hiện và cam kết không thắc mắc khiếu nại gì về sau (BL 211, 212).

Đến ngày 03/03/2022, ông S có đơn kiến nghị về việc thiếu diện tích đất đền bù so với Giấy chứng nhận được cấp và Bản án số 43/2010/DSPT ngày 24/3/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Ngày 04/04/2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất có giấy mời số 2457/GM về việc phối hợp xử lý đơn của ông Lê Văn S. Ngày 12/04/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ tiến hành đo đạc hiện trạng thực địa các thửa đất theo đơn kiến nghị của ông Lê Văn S. Tại biên bản làm việc ông S có ý kiến: Thống nhất theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 56, 24 tờ bản đồ số 76 xã B (xã L cũ), thống nhất ranh giới sử dụng ổn định, không tranh chấp, khiếu nại gì về sau, đồng ý rút đơn kiến nghị ngày 03/03/2022, cam kết không thắc mắc khiếu nại gì về sau (BL 208).

[2.2.5] Ông S đề nghị đo đạc lại diện tích đất thực tế mà ông S đang quản lý sử dụng và thẩm định giá lại tài sản trên đất vì đất thu hồi bị thiếu và giá chiết tính thấp so với giá trị thực tế. Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở, bởi vì: Khi ông có kiến nghị về diện tích đất bị thiếu thì Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ tiến hành đo đạc hiện trạng thực địa các thửa đất theo đơn kiến nghị của ông. Tại biên bản làm việc ông S có ý kiến thống nhất theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 56, 24 tờ bản đồ số 76 xã B (xã L cũ), thống nhất ranh giới sử dụng ổn định, không tranh chấp, khiếu nại gì về sau, đồng ý rút đơn kiến nghị ngày 03/03/2022, cam kết không thắc mắc khiếu nại gì về sau. Và khi kiểm đếm tài sản trên đất ông đã ghi ý kiến tài sản kiểm đếm đúng và đủ và ký tên vào biên bản kiểm đếm. Tại Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, Điều 12. Bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp diện tích đo đạt thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất; khoản 1. Nếu diện tích đo đạc thực tế nhỏ hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất

thì bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế. Đối với chính sách về bồi thường, hỗ trợ thì căn cứ Khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Cảng hàng không quốc tế L đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 1572/TTg-CN ngày 14/10/2017.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của ông S không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà đề nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông S phải chịu án phí hành chính phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điều 348 và Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Điều 30, 32, 157; khoản 1, khoản 3 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 66, 69 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Toà án nhân dân số 81/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, Đối thoại tại Toà án số 85/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2025/UBTV QH15 phê chuẩn đề nghị của Chánh án Toà án nhân dân tối cao về việc thành lập các Toà Phúc thẩm, Cục, Vụ và tương đương, cơ quan báo chí của Toà án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn S, giữ nguyên bản án sơ thẩm cụ thể như sau:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Lê Văn S về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai" đối với các Quyết định số 436/QĐ ngày 16/01/2023 về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Văn K1 (đứng Giấy chứng nhận) – Lê Văn S (sử dụng) để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L (lần 29); Quyết định số 189/QĐ ngày 16/01/2023 về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn K1 (đứng Giấy chứng nhận) – Lê Văn S (sử dụng) để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L (lần 29); Quyết định số 450/QĐ ngày 16/01/2023 về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Hồng C1 (đứng Giấy chứng nhận) – Lê Văn S (sử dụng) để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L (lần 29); Quyết định số 203/QĐ ngày 16/01/2023 về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Nguyễn Hồng C1 (đứng Giấy chứng nhận) – Lê Văn S (sử dụng) để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L (lần 29); Quyết định số 451/QĐ ngày 16/01/2023 về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Lê Văn S và Lê Thị Ngọc Đ thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L (lần 29) và Quyết định 204/QĐ ngày 16/01/2023 về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Lê Văn S và Lê Thị Ngọc Đ thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L (lần 29).

2. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn S phải chịu 800.000 đồng (đã nộp xong).

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông S phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000666 ngày 28/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ), ông S đã nộp xong án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông S phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0001222 ngày 22/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ), ông S đã nộp xong án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu HSVA(NTHN).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương-